

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi,  
bổ sung trong lĩnh vực Thuế, Hải quan thuộc  
phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tài chính ban hành;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thuế, Hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính, gồm:

1. 01 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thuế;
2. 01 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Hải quan.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

Tổng cục Hải quan, Tổng cục Thuế thực hiện việc nhập và đăng tải dữ liệu thủ tục hành chính theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Vụ trưởng vụ Pháp chế Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Văn phòng Bộ (CCHC);
- Tổng cục Thuế (Cục Thuế các tỉnh, TP trực thuộc TW, Website TCT);
- Tổng cục Hải quan (Cục Hải quan các tỉnh, TP trực thuộc TW, Website TCHQ);
- Website BTC;
- Lưu: VT, TCHQ 012b).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Đức Chí**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI BỔ SUNG  
TRONG LĨNH VỰC THUẾ, HẢI QUAN THUỘC PHẠM VI  
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

(Kèm theo Quyết định số 40 /QĐ-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính)

**PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

| STT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                                       | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung                         | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện     | Đã được công bố tại Quyết định của Bộ Tài chính                      | Ghi chú |
|-----|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|----------|-----------------------|----------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | 2.002229      | Đăng ký người phụ thuộc (NPT) giảm trừ gia cảnh đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công         | Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | Thuế     | Cục Thuế/Chi cục Thuế | Số thứ tự 59 mục II phần II Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/7/2022 |         |
| 2   | 1.007647      | Cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan đối với công chức hải quan đã chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc | Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | Hải quan | Tổng cục Hải quan     | Số thứ tự 1 mục 1 Phần I Quyết định số 1325/QĐ-BTC ngày 05/8/2019    |         |

**PHẦN II: NỘI DUNG CHI TIẾT TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

**1. Thủ tục hành chính cấp Cục Thuế/Chi cục Thuế: Thủ tục đăng ký người phụ thuộc (NPT) giảm trừ gia cảnh đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công**

**- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Đăng ký, nộp hồ sơ chứng minh NPT

++ Đăng ký NPT:

Trường hợp (1): Người nộp thuế (NNT) lập hồ sơ đăng ký NPT lần đầu để tính giảm trừ gia cảnh trong suốt thời gian tính giảm trừ gia cảnh, gửi đến tổ chức, cá nhân trả thu nhập (nếu cá nhân nộp thuế qua tổ chức, cá nhân trả thu nhập) chậm nhất là trước thời hạn khai thuế (hoặc trước khi nộp hồ sơ quyết toán thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập theo quy định của Luật Quản lý thuế). Tổ chức, cá nhân trả thu nhập lưu giữ một (01) bộ hồ sơ và nộp một (01) bộ hồ sơ cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý cùng thời điểm nộp tờ khai thuế thu

nhập cá nhân (TNCN) của kỳ khai thuế đó (hoặc khi nộp hồ sơ quyết toán thuế TNCN theo quy định của Luật quản lý thuế).

Trường hợp (2): Người nộp thuế trực tiếp khai thuế với cơ quan Thuế thì nộp hồ sơ Đăng ký NPT cho cơ quan Thuế trực tiếp quản lý cùng thời điểm nộp tờ khai thuế thu nhập cá nhân của kỳ khai thuế đó theo quy định của Luật Quản lý thuế hoặc khi nộp hồ sơ quyết toán thuế theo quy định. Riêng đối với người phụ thuộc khác (ví dụ: anh, chị, em ruột; ông, bà nội ngoại; cô, dì...) theo hướng dẫn tại tiết d.4, điểm d, khoản 1, Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính, thời hạn đăng ký giảm trừ gia cảnh chậm nhất là ngày 31 tháng 12 của năm tính thuế.

Trong thời gian tính giảm trừ gia cảnh, người nộp thuế có thay đổi (tăng/giảm) về NPT hoặc thay đổi nơi làm việc thì NNT phải thực hiện lại việc đăng ký NPT (hồ sơ, thời hạn, trình tự các bước, thực hiện như đăng ký NPT lần đầu).

++ Nộp hồ sơ chứng minh NPT: Chậm nhất là sau 03 tháng kể từ ngày đăng ký NPT lần đầu, NNT lập hồ sơ chứng minh NPT theo hướng dẫn tại Điều 1 Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 của Bộ Tài chính, gửi đến tổ chức, cá nhân trả thu nhập hoặc cơ quan Thuế (nơi đã nộp mẫu đăng ký NPT lần đầu).

Trong thời gian tính giảm trừ gia cảnh, cá nhân có thay đổi (tăng/giảm) về NPT hoặc thay đổi nơi làm việc thì NNT phải thực hiện nộp lại hồ sơ chứng minh NPT (hồ sơ, trình tự các bước, thực hiện như nộp hồ sơ chứng minh NPT lần đầu).

+ Bước 2. Cơ quan Thuế tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan Thuế hoặc hồ sơ được gửi qua đường bưu chính: cơ quan Thuế thực hiện tiếp nhận, giải quyết hồ sơ theo quy định.

++ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận, giải quyết hồ sơ (và trả kết quả nếu có kết quả) thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan Thuế.

**- Cách thức thực hiện:**

+ NNT thuộc diện nộp thuế qua tổ chức, cá nhân trả thu nhập nộp hồ sơ đăng ký NPT và hồ sơ chứng minh NPT tại tổ chức, cá nhân trả thu nhập.

+ NNT trực tiếp khai thuế với cơ quan Thuế, gửi hồ sơ đến cơ quan Thuế theo 1 trong các cách sau:

++ Nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan Thuế;

++ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

++ Hoặc gửi hồ sơ điện tử đến cơ quan Thuế qua giao dịch điện tử (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN).

**-Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

+ Trường hợp (1): Người nộp thuế đăng ký giảm trừ người phụ thuộc thông qua tổ chức, cá nhân trả thu nhập

++ Người nộp thuế nộp hồ sơ đăng ký người phụ thuộc đến tổ chức, cá nhân trả thu nhập bao gồm:

+++ Bản đăng ký người phụ thuộc mẫu số 07/ĐK-NPT-TNCN theo Phụ lục I - Danh mục hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ và Phụ lục II - Mẫu biểu hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính;

+++ Phụ lục bảng kê khai về người phải trực tiếp nuôi dưỡng mẫu số 07/XN-NPT-TNCN theo Phụ lục I - Danh mục hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ và Phụ lục II - Mẫu biểu hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính.

++ *Hồ sơ chứng minh NPT theo hướng dẫn tại Điều 1 Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 của Bộ Tài chính.*

**(Ghi chú:** Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung)

++ Tổ chức, cá nhân trả thu nhập nộp hồ sơ đăng ký người phụ thuộc đến cơ quan Thuế quản lý trực tiếp bao gồm: Phụ lục bảng tổng hợp đăng ký người phụ thuộc cho người giảm trừ gia cảnh (áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện đăng ký giảm trừ người phụ thuộc cho người lao động) mẫu số 07/THĐK-NPT-TNCN theo Phụ lục I - Danh mục hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ và Phụ lục II - Mẫu biểu hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính.

++ Trường hợp (2): Người nộp thuế đăng ký giảm trừ người phụ thuộc trực tiếp với cơ quan Thuế, hồ sơ đăng ký người phụ thuộc bao gồm:

+++ Bản đăng ký người phụ thuộc mẫu số 07/ĐK-NPT-TNCN theo Phụ lục I - Danh mục hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ và Phụ lục II - Mẫu biểu hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính;

+++ Phụ lục bảng kê khai về người phải trực tiếp nuôi dưỡng mẫu số 07/XN-NPT-TNCN theo Phụ lục I - Danh mục hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ và Phụ

lục II - Mẫu biểu hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính ;

+++ *Hồ sơ chứng minh NPT theo hướng dẫn tại Điều 1 Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 của Bộ Tài chính.*

**(Ghi chú:** *Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung*)

\* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

Riêng đối với trường hợp cá nhân nộp thuế qua tổ chức, cá nhân trả thu nhập thì nộp 02 (bộ) mẫu đăng ký NPT giảm trừ gia cảnh cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập.

- **Thời hạn giải quyết:** Không phải trả kết quả cho người nộp thuế.
- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công.
- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Thuế/Chi cục Thuế.
- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Hồ sơ gửi đến cơ quan Thuế không có kết quả giải quyết.
- **Lệ phí:** Không.
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

+++ Bản đăng ký người phụ thuộc mẫu số 07/ĐK-NPT-TNCN theo Phụ lục I - Danh mục hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ và Phụ lục II - Mẫu biểu hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính;

+++ Phụ lục bảng kê khai về người phải trực tiếp nuôi dưỡng mẫu số 07/XN-NPT-TNCN theo Phụ lục I - Danh mục hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ và Phụ lục II - Mẫu biểu hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính ;

+++ Phụ lục bảng tổng hợp đăng ký người phụ thuộc cho người giảm trừ gia cảnh (áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện đăng ký giảm trừ người phụ thuộc cho người lao động) mẫu số 07/THĐK-NPT-TNCN theo Phụ lục I - Danh mục hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ và Phụ lục II - Mẫu biểu hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Trường hợp người nộp thuế đăng ký khai thuế điện tử và gửi hồ sơ đến cơ quan Thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- + Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/06/2019;
- + Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế;
- + Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;
- + Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;
- + Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân.
- + Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tài chính ban hành.

**2. Thủ tục hành chính cấp Tổng cục Hải quan: Thủ tục cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan đối với công chức hải quan đã chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc:**

**- Trình tự thực hiện:**

- + Bước 1: Nộp hồ đề nghị cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan:  
Công chức hải quan sau khi chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc có nhu cầu cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan lập hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan gửi Tổng cục Hải quan

- + Bước 2: Cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan:

Tổng cục Hải quan tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và điều kiện theo quy định và thực hiện cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan hoặc có văn bản trả lời và nêu rõ lý do đối với trường hợp không đủ điều kiện.

**- Cách thức thực hiện:**

- + Nộp hồ sơ trực tiếp;
- + Gửi hồ sơ qua bưu điện.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**\* Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan theo *mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 của Bộ Tài chính*: 01 bản chính;

**(Ghi chú:** Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung)

- Một (01) ảnh màu 3x4 chụp trong thời gian 06 (sáu) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự thi có ghi rõ họ tên, năm sinh ở mặt sau của ảnh.

**\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

**- Thời hạn giải quyết:**

05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Công chức hải quan đã chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc thôi việc..

**- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Tổng cục Hải quan.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan

- **Phí, lệ phí:** Nộp lệ phí thi theo quy định của pháp luật hiện hành.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ *Mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 của Bộ Tài chính*: Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan.

**(Ghi chú:** Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung)

**-Yêu cầu, điều kiện thực hiện:**

- Công chức hải quan giữ ngạch kiểm tra viên hải quan có 09 năm công tác liên tục hoặc kiểm tra viên chính hoặc kiểm tra viên cao cấp sau khi chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc (không bao gồm trường hợp kỷ luật buộc thôi việc) được cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan trong thời hạn 03 năm kể từ ngày có quyết định chuyển công tác, hoặc nghỉ hưu hoặc nghỉ việc.

**- Căn cứ pháp lý:**

+ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 06 năm 2014;

+ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 31/01/2015 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã

số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;

+ Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/04/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 31/01/2015 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;

+ Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tài chính ban hành.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ NGƯỜI PHỤ THUỘC**

[01] Kỳ tính thuế: Ngày....tháng ... năm...

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ: ....

[04] Họ và tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

[06] Địa chỉ cá nhân nhận thông báo mã số thuế người phụ thuộc:.....

[07] Nơi đăng ký giảm trừ người phụ thuộc (Tổ chức, cá nhân trả thu nhập/cơ quan quản lý):.....

.....

[08] Mã số thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
|  |  |  |
|--|--|--|

| STT  | Họ và tên người phụ thuộc | Mã số thuế người phụ thuộc | Thông tin giấy tờ của người phụ thuộc                             |            | Ngày sinh người phụ thuộc | Quan hệ với người nộp thuế | Thời điểm bắt đầu tính giảm trừ (tháng/năm) | Thời điểm kết thúc tính giảm trừ (tháng/năm) |
|------|---------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------|----------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------------|
|      |                           |                            | Loại giấy tờ: CMND/CCCD/Hộ chiếu/GKS (trường hợp chưa có MST NPT) | Số giấy tờ |                           |                            |                                             |                                              |
| [09] | [10]                      | [11]                       | [12]                                                              | [13]       | [14]                      | [15]                       | [16]                                        | [17]                                         |
| 1    |                           |                            |                                                                   |            |                           |                            |                                             |                                              |
| 2    |                           |                            |                                                                   |            |                           |                            |                                             |                                              |
| ...  |                           |                            |                                                                   |            |                           |                            |                                             |                                              |

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

..., ngày ... tháng ... năm.....

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

**CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có) / Ký điện tử)

---

**Ghi chú:**

1. Chữ viết tắt: NPT- người phụ thuộc; CMND- Chứng minh nhân dân, CCCD- Căn cước công dân; GKS- Giấy khai sinh.
2. Chỉ tiêu [16]: là thời điểm bắt đầu tính giảm trừ NPT. Trường hợp người nộp thuế thay đổi tổ chức trả thu nhập tính giảm trừ NPT hoặc thay đổi người nộp thuế tính giảm trừ NPT thì chỉ tiêu [16] được khai là thời điểm bắt đầu tính giảm trừ NPT tại tổ chức đó hoặc thời điểm bắt đầu tính giảm trừ NPT tại người nộp thuế đó. Trường hợp người nộp thuế đăng ký giảm trừ NPT cho thời gian trước năm hiện tại do thực hiện quyết toán lại những năm trước thì chỉ tiêu [16] được khai là thời điểm bắt đầu tính giảm trừ NPT tương ứng năm quyết toán trước năm hiện tại.
3. Chỉ tiêu [17]: là thời điểm kết thúc tính giảm trừ NPT. Trường hợp người nộp thuế chưa xác định được thời điểm kết thúc tính giảm trừ NPT thì bỏ trống. Trường hợp người nộp thuế thay đổi thời điểm kết thúc tính giảm trừ NPT (bao gồm cả trường hợp đã khai hoặc bỏ trống chỉ tiêu [17]) thì người nộp thuế thực hiện khai bổ sung Bản đăng ký người phụ thuộc để cập nhật lại chỉ tiêu [17] theo thời điểm thực tế kết thúc tính giảm trừ NPT.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Phụ lục**  
**BẢNG KÊ KHAI VỀ NGƯỜI PHẢI TRỰC TIẾP NUÔI DƯỠNG**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân (UBND) xã/phường.....

Họ và tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế: .....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: ..... Ngày cấp: .....

Nơi cấp: .....

Chỗ ở hiện nay: .....

Tôi kê khai người phụ thuộc sau đây tôi đang trực tiếp nuôi dưỡng:

| STT | Họ và tên người phụ thuộc | Ngày, tháng, năm sinh | Số CMND/CCCD/Hộ chiếu | Quan hệ với người khai | Địa chỉ cư trú của người phụ thuộc | Đang sống cùng với tôi | Không nơi nương tựa, tôi đang trực tiếp nuôi dưỡng |
|-----|---------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------|----------------------------------------------------|
| 1   |                           |                       |                       |                        |                                    |                        |                                                    |
| 2   |                           |                       |                       |                        |                                    |                        |                                                    |
| ... |                           |                       |                       |                        |                                    |                        |                                                    |

Căn cứ theo quy định tại Luật thuế thu nhập cá nhân (TNCN), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thuế TNCN thì UBND xã/phường nơi người nộp thuế cư trú có trách nhiệm xác nhận người phụ thuộc đang sống cùng người nộp thuế hoặc UBND xã/phường nơi người phụ thuộc cư trú có trách nhiệm xác nhận người phụ thuộc không sống cùng người nộp thuế và không có ai nuôi dưỡng.

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

..., ngày ... tháng .... năm ....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ/PHƯỜNG**

(nơi người nộp thuế cư trú trong trường hợp người phụ thuộc đang sống cùng người nộp thuế):

UBND xã/phường..... xác  
nhận người được kê khai trong biểu  
(nêu trên) hiện đang sống cùng ông  
(bà)..... tại địa  
chỉ...../.

..., ngày ... tháng ... năm ...

**TM. UBND**.....

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ/PHƯỜNG**

(nơi người phụ thuộc cư trú trong trường hợp người phụ thuộc không nơi nương tựa, người nộp thuế đang trực tiếp dưỡng):

UBND xã/phường .....  
xác nhận người được kê khai trong  
biểu (nêu trên) không nơi nương tựa,  
đang sống tại địa chỉ...../.

..., ngày ... tháng ... năm ...

**TM. UBND**.....

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

---

**Ghi chú:** Trường hợp người nộp thuế có nhiều người phụ thuộc cư trú tại nhiều xã/phường khác nhau thì người nộp thuế phải lập Bản kê khai để UBND xã/phường từng nơi người phụ thuộc cư trú xác nhận.



| STT  | Họ và tên cá nhân có thu nhập | Mã số thuế cá nhân có thu nhập | Họ và tên người phụ thuộc | Mã số thuế người phụ thuộc (MST NPT) | Thông tin giấy tờ của người phụ thuộc                             |            | Ngày sinh người phụ thuộc | Quan hệ với người nộp thuế | Thời điểm bắt đầu tính giảm trừ (tháng/năm) | Thời điểm kết thúc tính giảm trừ (tháng/năm) |
|------|-------------------------------|--------------------------------|---------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------|----------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------------|
|      |                               |                                |                           |                                      | Loại giấy tờ: CMND/CCCD/Hộ chiếu/GKS (trường hợp chưa có MST NPT) | Số giấy tờ |                           |                            |                                             |                                              |
| [15] | [16]                          | [17]                           | [18]                      | [19]                                 | [20]                                                              | [21]       | [22]                      | [23]                       | [24]                                        | [25]                                         |
| 1    |                               |                                |                           |                                      |                                                                   |            |                           |                            |                                             |                                              |
| 2    |                               |                                |                           |                                      |                                                                   |            |                           |                            |                                             |                                              |
| 3    |                               |                                |                           |                                      |                                                                   |            |                           |                            |                                             |                                              |
| ...  |                               |                                |                           |                                      |                                                                   |            |                           |                            |                                             |                                              |

(MST: mã số thuế; NPT: người phụ thuộc; CMND: Chứng minh nhân dân; CCCD: Căn cước công dân; GKS: Giấy khai sinh)

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ KHAI HẢI QUAN**

Kính gửi: Tổng cục Hải quan

- Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;
- Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;
- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

Đề nghị Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan xem xét cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan cho ông (bà):

Họ tên:..... Nam/nữ: .....

Ngày sinh: .....

Số định danh cá nhân/CMND/CCCD:..... cấp ngày: .....  
tại .....

Nơi ở hiện nay: .....

Ngạch công chức: .....

Thời gian, quá trình công tác:.....

Quyết định nghỉ hưu hoặc nghỉ việc hoặc chuyển công tác:.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn này là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**CHỨNG CHỈ  
NGHIỆP VỤ KHAI HẢI QUAN**

Ảnh 3 x 4 cm

- Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-TCHQ ngày... tháng.... năm.... của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc nghỉ hưu/ngỉ việc/chuyển công tác đối với ông (bà) ...

- Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-TCHQ ngày ... tháng .... năm .... về việc thành lập Hội đồng thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan;

- Căn cứ Thông báo số ..... ngày ..... của Chủ tịch Hội đồng thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan công nhận kết quả thi năm ..... tổ chức tại.....

**TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN**

- Cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan cho ông (bà):

Chữ ký của người được cấp  
Chứng chỉ

.....

- Sinh ngày: ...../...../.....

- Số định danh cá nhân/CMND/CCCD.....cấp  
ngày.....tại.....

Số: .....  
Ngày... tháng... năm ...

Hà Nội, ngày ...../...../.....

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)